

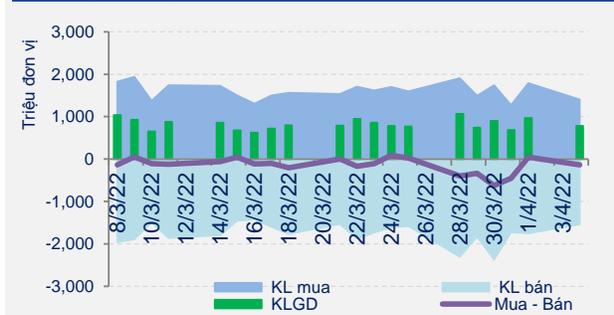
MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 4/4/2022

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,524.70	458.69
% Thay đổi	↑ 0.54%	↑ 1.01%
KLGD (CP)	779,577,436	89,488,526
GTGD (tỷ đồng)	26,751.13	2,864.63
Tổng cung (CP)	1,537,391,200	129,166,400
Tổng cầu (CP)	1,402,114,300	118,724,500

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	40,237,550	321,420
KL mua (CP)	37,011,250	265,800
GT mua (tỷ đồng)	1,614.76	7.23
GT bán (tỷ đồng)	1,617.08	8.64
GT ròng (tỷ đồng)	(2.32)	(1.41)

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -1.33%	24.5	4.2	2.2%
Công nghiệp	↑ 0.78%	23.9	3.3	16.6%
Dầu khí	↑ 1.95%	18.5	2.0	1.8%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.30%	-	10.8	3.1%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.47%	16.3	2.6	0.7%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.73%	19.7	3.7	10.4%
Ngân hàng	↓ -0.26%	12.5	2.4	12.6%
Nguyên vật liệu	↑ 0.75%	10.6	2.6	16.6%
Tài chính	↑ 1.11%	22.2	3.2	34.6%
Tiền ịch Cộng đồng	↑ 1.75%	18.1	2.7	1.4%
VN - Index	↑ 0.54%	17.7	3.2	
HNX - Index	↑ 1.01%	22.1	3.8	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Diễn biến thị trường thế giới khá êm đềm trong phiên cuối tuần trước với việc chứng khoán Mỹ tăng nhẹ. Tại thị trường trong nước, tâm lý nhà đầu tư vẫn là tích cực trong phiên hôm nay giúp thị trường có phiên tăng điểm thứ ba liên tiếp. Cụ thể, VN-Index tăng 8,26 điểm (+0,54%) lên 1.524,7 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về tích cực với 254 mã tăng (15 mã tăng trần), 61 mã tham chiếu, 187 mã giảm (5 mã giảm sàn). Cổ phiếu họ FLC đã được "giải cứu" toàn bộ trong phiên hôm nay với các đầu kết phiên ở mức giá trần ROS (+6,9%), FLC (+6,9%), AMD (+7%), HAI (+7%), KLF (+9,1%), ART (+9,1%); riêng cổ phiếu GAB là tiếp tục không có giao dịch khớp lệnh. Tích cực nhất có lẽ là nhóm ngành chứng khoán với nhiều mã tăng mạnh như SSI (+4,9%), VIX (+6,1%), SHS (+4,8%), SBS (+4,9%), HCM (+4,5%), VCI (+3%)...; thậm chí tăng trần như VND (+6,9%), AGR (+7%), CTS (+6,9%), FTS (+7%), AAS (+15%). Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn thuộc VN30 (+0,36%) có diễn biến kém tích cực hơn so với thị trường chung do chịu áp lực chốt lời về cuối phiên với 17/30 mã tăng, có thể kể đến GVR (+5,6%), NVL (+4,7%), GAS (+2,5%), MSN (+2,4%), PLX (+2%), VJC (+1,4%), POW (+1,2%), VPB (+1%)... là những mã tăng từ 1% trở lên. Ở chiều ngược lại, vẫn còn 10/30 mã kết phiên trong sắc đỏ đã làm thu hẹp khá nhiều mức tăng của thị trường chung như FPT (-1,5%), KDH (-1,5%), TCB (-1,3%), HDB (-1,2%)... là những mã giảm trên 1%. Nhóm cổ phiếu hóa chất tiếp tục chịu áp lực bán khiến nhiều mã giảm mạnh như DCM (-5%), DGC (-3,1%), CSV (-5%), DDV (-1,4%), LAS (-2%)...; thậm chí DPM (-7%), BFC (-6,9%) còn giảm sàn.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

VN-Index (+0,54%) nhay gap up ngay trong phiên đầu tuần để hướng tới vùng kháng cự 1.530-1.550 điểm. Nhưng áp lực bán gia tăng khi thị trường chạm ngưỡng 1.530 điểm đã khiến mức tăng bị thu hẹp đáng kể. Thanh khoản khớp lệnh trong phiên hôm nay cũng suy giảm xuống dưới mức trung bình 20 phiên cho thấy lực cầu mua lên là không thực sự tốt và tâm lý nhà đầu tư vẫn có sự e dè nhất định ở vùng giá hiện tại. Tuy nhiên, với phiên tăng thứ ba liên tiếp thì xu hướng tăng của thị trường tiếp tục được củng cố và khả năng để vượt tới những ngưỡng cao hơn trong thời gian tới được đánh giá cao. Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 5/4, VN-Index có thể sẽ tiếp tục tăng điểm để hướng đến vùng kháng cự 1.530-1.550 điểm. Những nhà đầu tư đã tham gia mua vào trước đó trong vùng hỗ trợ 1.425-1.450 điểm có thể tiếp tục nắm giữ danh mục hiện tại và canh chốt lời nếu thị trường tiến vào vùng kháng cự trong khoảng 1.530-1.550 điểm.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

4/4/2022

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index giao dịch với sắc xanh trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay nhờ lực cầu xuất hiện từ đầu phiên và được duy trì khá tốt cho đến hết phiên trước áp lực bán ra có phần gia tăng về cuối phiên, với mức cao nhất trong phiên tại 1.530,95 điểm. Kết phiên, VN-Index tăng 8,26 điểm (+0,54%) lên 1.524,7 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: GVR tăng 1.950 đồng, NVL tăng 3.900 đồng, GAS tăng 2.700 đồng. Ở chiều ngược lại, TCB giảm 650 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index cũng tăng điểm trong toàn bộ thời gian phiên giao dịch hôm nay nhờ lực cầu xuất hiện từ đầu phiên và duy trì tốt cho đến hết phiên, với mức cao nhất trong phiên tại 460,54 điểm. Kết phiên, HNX-Index tăng 4,59 điểm (+1,01%) lên 458,69 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: HUT tăng 2.200 đồng, SHS tăng 2.000 đồng, NVB tăng 700 đồng. Ở chiều ngược lại, CEO giảm 1.900 đồng.

GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 2,32 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 3,2 triệu cổ phiếu. HPG là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 73,8 tỷ đồng tương ứng với 1,6 triệu cổ phiếu, tiếp theo là NLG với 66 tỷ đồng tương ứng với 1,2 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VNM là mã được mua ròng nhiều nhất với 121,3 tỷ đồng tương ứng với 1,5 triệu cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 1,45 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 55,6 nghìn cổ phiếu. DHT là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 1,7 tỷ đồng tương ứng với 39,9 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là PVS với 624 triệu đồng tương ứng với 18,4 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, SHS là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 1,2 tỷ đồng tương ứng với 26,8 nghìn cổ phiếu.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index tăng nhẹ trong phiên giao dịch đầu tuần với thanh khoản khớp lệnh suy giảm so với phiên cuối tuần trước và thấp hơn mức trung bình 20 phiên gần đây. Kết hợp với diễn biến trong phiên hôm nay thì có thể thấy là lực cầu mua vào đầu phiên là khá tốt nhưng áp lực bán ở vùng giá cao cũng tương đối mạnh đã thu hẹp mức tăng của thị trường.

Áp dụng lý thuyết sóng Elliott trên biểu đồ kỹ thuật thì có thể thấy là VN-Index vẫn đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4). Và một khi vẫn được duy trì trên ngưỡng 1.350 điểm (fibonacci retracement 127,2% fibonacci retracement sóng điều chỉnh 4) thì nhận định trên không có gì thay đổi.

Với phiên tăng nhẹ hôm nay (+0,54%) thì xu hướng tăng của chỉ số VN-Index vẫn chưa có gì thay đổi và vùng kháng cự gần nhất của chỉ số này sẽ là trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4).

Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 5/4, VN-Index có thể sẽ tiếp tục tăng điểm để hướng đến vùng kháng cự 1.530-1.550 điểm.

Tuy nhiên, trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán gia tăng trở lại thì VN-Index có thể sẽ cần lùi về ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.500 điểm để tìm kiếm lực cầu.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

Hợp Chính phủ thường kỳ tháng 3: Kinh tế-xã hội phục hồi tích cực trong quý 1/2022

Phát biểu khai mạc phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 3, Thủ tướng Phạm Minh Chính nêu rõ, trong bối cảnh tình hình có những diễn biến mới phức tạp, đột xuất, bất ngờ, sức ép lạm phát trong và ngoài nước rất lớn, song kinh tế-xã hội đang hồi phục tích cực, Việt Nam không lỡ nhịp với xu thế chung của thế giới.



TIN TRONG NƯỚC

Giá vàng trong nước giảm	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 68,15 - 68,85 triệu đồng/lượng, giảm 100.000 đồng/lượng ở cả hai chiều mua vào và bán ra so với sáng nay.
Tỷ giá trung tâm tăng 3 đồng	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 4/4 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.098 VND/USD, tăng 3 đồng so với cuối tuần qua.

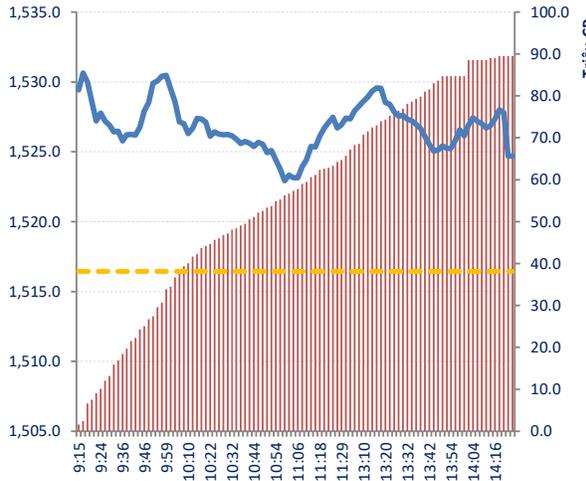
TIN QUỐC TẾ

Giá vàng thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới tăng 8,15 USD/ounce tương ứng với 0,42% lên 1.932,05 USD/ounce.
Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) tăng 0,076 điểm tương ứng 0,08% lên 98,705 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,1022 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,3118 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 122,56 JPY.
Giá dầu thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 0,95 USD/thùng tương ứng với 0,97% lên 100,19 USD/thùng.
Chứng khoán Mỹ tăng điểm	Kết thúc phiên giao dịch ngày 1/4, Dow Jones tăng 139,92 điểm tương ứng với 0,4% lên 34.818,27 điểm. Nasdaq tăng 40,98 điểm tương đương 0,29% lên 14.261,5 điểm. Nasdaq Composite tăng 15,45 điểm tương đương 0,34% lên 4.545,86 điểm.

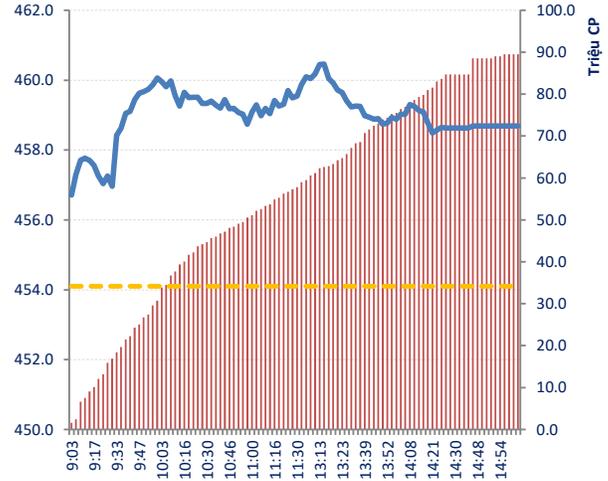


THÔNG KÊ GIAO DỊCH

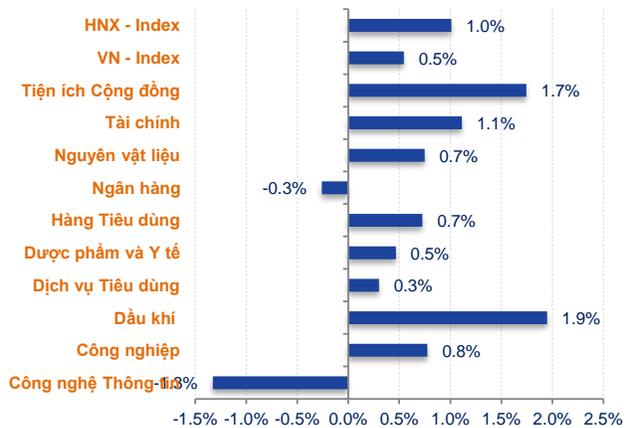
KLGD và VN-Index trong phiên



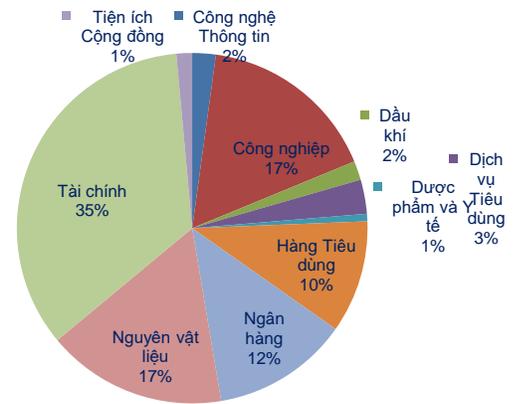
KLGD và HNX-Index trong phiên



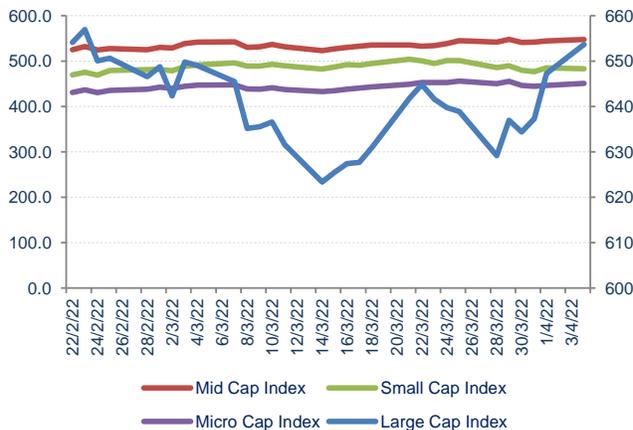
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



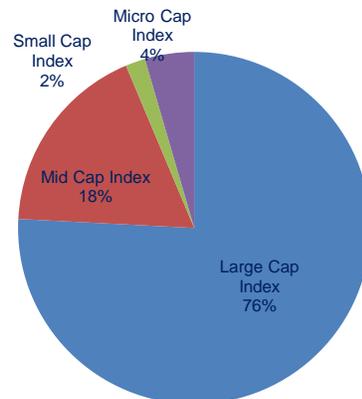
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	FUEVFNVD	2,565,100	E1VFN30	1,819,500
2	VNM	1,478,900	HPG	1,604,500
3	SSI	1,049,800	NLG	1,159,200
4	LPB	743,600	FUESSVFL	1,145,800
5	GMD	660,000	PVT	726,500

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SHS	26,800	KLF	53,000
2	PTS	26,700	DHT	39,900
3	PVI	13,900	IVS	27,200
4	CTC	10,100	PVS	18,400
5	BAX	10,000	PSD	10,500

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
GEX	39.30	40.85	↑ 3.94%	31,302,400
VND	31.70	33.90	↑ 6.94%	28,162,500
VPB	38.60	39.00	↑ 1.04%	24,543,700
DXG	46.50	43.60	↓ -6.24%	22,516,600
ITA	16.70	17.00	↑ 1.80%	17,125,400

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHS	41.30	43.30	↑ 4.84%	7,859,574
KLF	5.50	6.00	↑ 9.09%	5,522,112
PVS	33.60	34.30	↑ 2.08%	4,676,629
IDC	80.60	81.10	↑ 0.62%	4,622,133
CEO	66.90	65.00	↓ -2.84%	3,601,065

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
AGR	20.00	21.40	1.40	↑ 7.00%
HAI	5.44	5.82	0.38	↑ 6.99%
AMD	5.73	6.13	0.40	↑ 6.98%
ASG	28.00	29.95	1.95	↑ 6.96%
FTS	57.50	61.50	4.00	↑ 6.96%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
POT	19.00	20.90	1.90	↑ 10.00%
BST	16.00	17.60	1.60	↑ 10.00%
SDN	45.10	49.60	4.50	↑ 9.98%
NAG	15.10	16.60	1.50	↑ 9.93%
MHL	10.10	11.10	1.00	↑ 9.90%

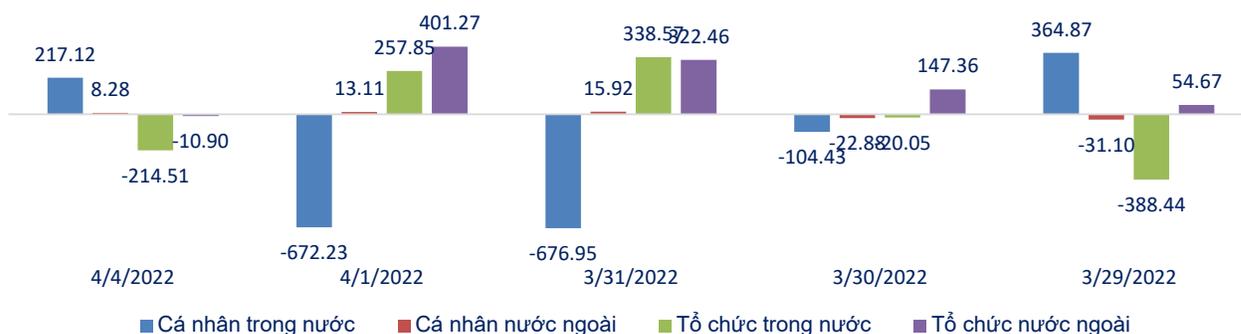
Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DPM	69.00	64.20	-4.80	↓ -6.96%
MCP	32.40	30.15	-2.25	↓ -6.94%
BFC	46.40	43.20	-3.20	↓ -6.90%
SII	21.20	19.75	-1.45	↓ -6.84%
ASM	25.70	23.95	-1.75	↓ -6.81%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PEN	16.50	14.90	-1.60	↓ -9.70%
KMT	12.70	11.50	-1.20	↓ -9.45%
VXB	41.20	37.50	-3.70	↓ -8.98%
LM7	7.80	7.10	-0.70	↓ -8.97%
VIE	10.30	9.40	-0.90	↓ -8.74%

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)


Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	103.36	46.0%	7,708	5.9	2.3
GEX	74.13	7.2%	1,483	26.5	1.6
VIC	71.85	-1.7%	(650)	-	2.0
NLG	66.15	10.6%	3,155	18.2	1.6
MSN	65.54	25.4%	7,269	20.2	4.1

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	-101.18	30.3%	5,042	16.2	4.8
DXG	-87.68	10.3%	1,939	24.0	2.1
ACB	-84.68	23.9%	3,554	9.4	2.0
DGC	-78.72	45.9%	13,959	16.3	7.6
VHM	-66.56	35.2%	8,991	8.5	2.5

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSN	6.07	25.4%	7,269	20.2	4.1
DGW	4.48	44.7%	7,476	19.7	7.3
SSI	2.34	13.0%	1,354	31.7	3.1
REE	2.00	13.0%	6,002	14.0	1.6
NVL	1.85	8.8%	1,692	48.8	3.9

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
NKG	-5.38	50.0%	10,417	4.6	1.8
VND	-4.03	19.6%	923	34.3	1.6
DPM	-3.45	32.9%	7,965	8.7	2.5
FLC	-2.36	0.7%	119	91.2	0.8
EVE	-1.17	6.3%	1,545	13.0	0.9

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DXG	92.18	10.3%	1,939	24.0	2.1
ACB	84.68	23.9%	3,554	9.4	2.0
VHM	73.30	35.2%	8,991	8.5	2.5
E1VFN30	45.25	N/A	N/A	N/A	N/A
DGC	25.34	45.9%	13,959	16.3	7.6

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUEVFVND	-115.29	N/A	N/A	N/A	N/A
GEX	-82.20	7.2%	1,483	26.5	1.6
DPM	-57.34	32.9%	7,965	8.7	2.5
MSN	-53.03	25.4%	7,269	20.2	4.1
VIC	-47.22	-1.7%	(650)	-	2.0

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	121.58	30.3%	5,042	16.2	4.8
FUEVFVND	78.58	N/A	N/A	N/A	N/A
DGC	54.02	45.9%	13,959	16.3	7.6
SSI	44.78	13.0%	1,354	31.7	3.1
GMD	39.38	9.0%	2,031	28.6	2.5

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-74.97	46.0%	7,708	5.9	2.3
NLG	-65.90	10.6%	3,155	18.2	1.6
E1VFN30	-47.33	N/A	N/A	N/A	N/A
NVL	-34.34	8.8%	1,692	48.8	3.9
FUESSVFL	-25.52	N/A	N/A	N/A	N/A



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
GEX	31,302,400	7.2%	1,483	26.5	1.6
VND	28,162,500	3250.0%	923	34.3	1.6
VPB	24,543,700	16.9%	2,642	14.6	2.0
DXG	22,516,600	10.3%	1,939	24.0	2.1
ITA	17,125,400	2.7%	311	53.7	1.4

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	7,859,574	30.1%	5,707	7.2	2.1
KLF	5,522,112	0.4%	40	136.1	0.5
PVS	4,676,629	4.7%	1,260	26.7	1.3
IDC	4,622,133	9.6%	1,508	53.4	5.1
CEO	3,601,065	2.7%	362	184.8	4.9

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
AGR	↑ 7.0%	4.8%	457	43.7	1.8
HAI	↑ 7.0%	0.3%	37	146.2	0.5
AMD	↑ 7.0%	0.6%	75	76.6	0.5
ASG	↑ 7.0%	4.5%	813	34.4	1.5
FTS	↑ 7.0%	32.6%	5,774	10.0	3.0

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
POT	↑ 10.0%	4.0%	682	27.9	1.1
BST	↑ 10.0%	10.7%	1,381	11.6	1.2
SDN	↑ 10.0%	28.7%	8,581	5.3	1.4
NAG	↑ 9.9%	8.2%	1,080	14.0	1.1
MHL	↑ 9.9%	-55.6%	(4,975)	-	1.7

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
UEVFN	2,565,100	N/A	N/A	N/A	N/A
VNM	1,478,900	30.3%	5,042	16.2	4.8
SSI	1,049,800	13.0%	1,354	31.7	3.1
LPB	743,600	18.5%	2,375	9.2	1.6
GMD	660,000	9.0%	2,031	28.6	2.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	26,800	30.1%	5,707	7.2	2.1
PTS	26,700	12.0%	2,052	7.2	0.8
PVI	13,900	11.2%	3,722	15.0	1.8
CTC	10,100	10.9%	876	12.2	1.3
BAX	10,000	23.8%	7,358	11.0	3.4

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	391,852	21.6%	4,632	17.9	3.6
VHM	331,803	35.2%	8,991	8.5	2.5
VIC	313,124	-1.7%	(650)	-	2.0
BID	224,346	12.7%	2,084	21.3	2.6
GAS	209,960	17.1%	4,531	24.2	4.0

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	59,430	21.8%	2,805	60.5	9.4
KSF	32,130	9.0%	1,373	78.0	5.4
IDC	24,180	9.6%	1,508	53.4	5.1
NVB	21,159	0.0%	3	11,878.7	3.5
VCS	18,800	40.6%	11,096	10.6	3.9

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
CIG	4.63	10.1%	522	30.7	3.3
GEX	4.58	7.2%	1,483	26.5	1.6
IDI	4.43	4.4%	600	47.4	2.1
KHP	4.42	7.2%	836	20.0	1.4
CII	4.41	-4.1%	(1,389)	-	0.9

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
CEO	2.61	2.7%	362	184.8	4.9
PVL	2.56	7.0%	343	35.6	2.4
APS	2.18	62.2%	9,839	3.1	2.6
ART	2.14	3.0%	350	25.2	0.8
IDJ	2.13	29.2%	2,451	13.0	2.7



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trường phòng: Ngô Thế Hiện
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn